TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 10 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Hoa Lài
2. Bà Trần Thị Út
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.
Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TL.ST-HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự.
1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B (có mặt)
Nơi đăng ký thường trú: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh H.
Chổ ở hiện nay: Ấp L, xã Đ, huyện ĐH, tỉnh B.
2. Bị đơn: Ông Lê Văn Mười M (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/7/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà và ông Lê Văn Mười M tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, ông Mười M thường đi uống rượu bia về đánh vợ, nhiều lần đến gia đình bên vợ gây sự, không tôn trọng gia đình bên vợ, không quan tâm vợ con. Đến năm 2017, thì vợ chồng không còn sống chung với nhau. Bà B xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Mười M. Về con chung: Bà và ông Mười M có 01 con chung tên Lê Thanh M (nam), sinh ngày 20/01/2015, hiện đang sống với bà B. Bà Bé yêu cầu được nuôi cháu M và không yêu cầu ông Mười M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, Tòa án đã triệu tập ông Lê Văn Mười M hợp lệ nhiều lần nhưng ông Mười M vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật, bị đơn chấp hành không tốt quy định pháp luật tố tụng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lê Văn Mười M; về con chung: Giao cháu Lê Thanh M (nam), sinh ngày 20/01/2015 cho bà B nuôi dưỡng, ông Mười M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện ông Lê Văn Mười M yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Mười M và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà B, ông Mười M xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà B, ông Mười M phát sinh mâu thuẫn. Bà B cho rằng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, thường xuyên cãi nhau, ông Mười M không quan tâm đến vợ con, không tôn trọng vợ và gia đình bên vợ. Đến năm 2017, bà và ông Mười M không còn chung sống với nhau. Đối với ông Mười M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không thể hòa giải, động viên hàn gắn lại mối quan hệ. Xét thấy bà B và ông M đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nhưng không có biện pháp hòa giải, hàn gắn lại quan hệ vợ chồng, cho thấy mâu thuẫn giữa bà Bé, ông Mười M là trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà B, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lê Thanh M từ nhỏ đã sống chung với bà B và sau khi vợ chồng không còn sống chung, cháu M do bà B trực tiếp nuôi dưỡng, bà B có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông Mười M đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thể hiện yêu cầu nuôi con chung. Nhằm đảm bảo ổn định về tâm lý, chỗ ở và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao cháu Lê Thanh M cho bà B nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Mười M không

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Mười M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Lê Văn Mười M.

Về con chung: Giao cháu Lê Thanh M (nam), sinh ngày 20/01/2015 cho bà Nguyễn Thị B nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên ông Lê Văn Mười M không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Lê Văn Mười M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai số 0014842 ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sợ thẩm (bà B đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Thạnh Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu